**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**NỘI DUNG KIẾN THỨC BỘ MÔN TOÁN**

**KHỐI LỚP 8 – NĂM HỌC 2021-2022**

**Tuần 18: từ ngày 03/01 đến ngày 08/01/2022**

**PHẦN I: ĐẠI SỐ**

**BIẾN ĐỔI CÁC PHÂN THỨC HỮU TỈ. GIÁ TRỊ CỦA PHÂN THỨC**

**ÔN TẬP CHƯƠNG II**

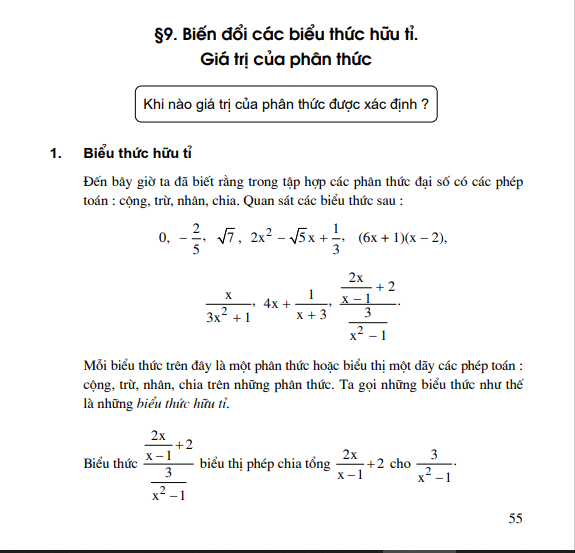
**PHẦN II: HÌNH HỌC**

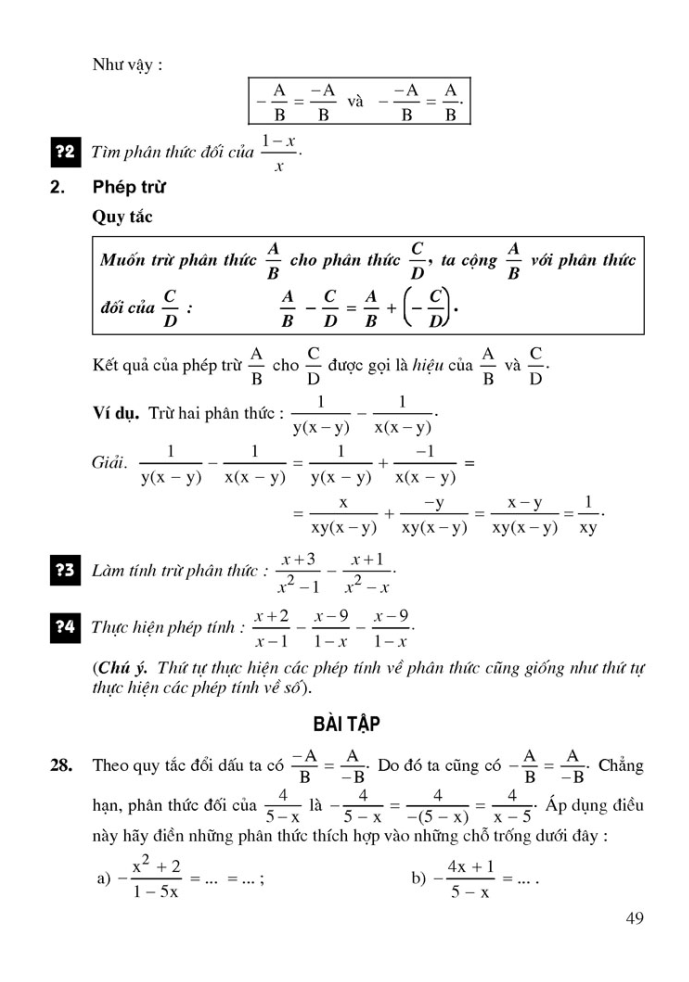
**DIỆN TÍCH HÌNH THOI – LUYỆN TẬP**

**DIỆN TÍCH ĐA GIÁC – LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung học sinh cần làm**  **(Theo sự hướng dẫn giáo viên)** | **Hướng dẫn** |
| **I./ PHẦN ĐẠI SỐ:** |  |
| **BIẾN ĐỔI CÁC PHÂN THỨC HỮU TỈ. GIÁ TRỊ CỦA PHÂN THỨC**  **1. Biểu thức hữu tỉ**  Ví dụ: Các biểu thức:  0;; (6x + 1)(x − 2) ;  là các phân thức.  4x +  là phép cộng hai phân thức  là dãy tính gồm phép cộng và phép chia thực hiện trên các phân thức.  Đây là những biểu thức hữu tỉ. |  |
| **2. Biến đổi một biểu thức hữu tỉ thành một phân thức**  **Ví dụ 1** : Biến đổi biểu thức A = thành một phân thức.  **Ví dụ 2** : Biến đổi biểu thức B = thành một phân thức. | **Ví dụ 1:**  A =  ==  **Ví dụ 2:**  B =  =  = |
| **3. Giá trị của phân thức**   * Điều kiện xác định của phân thức là điều kiện của biến để giá trị tương ứng của mẫu thức khác 0.   **Ví dụ:** Tìm điều kiện xác định của phân thức:       **?2** Cho phân thức  a) Tìm điều kiện của x để giá trị của phân thức được xác định.  b) Tính giá trị của phân thức tại x = 1000000 và x = -1 | **Ví dụ:**   1. Điều kiện xác định của phân thức  là:      1. Điều kiện xác định của phân thức  là:     và  và  **?2**  a) Giá trị phân thứcđược xác định khi:  x2 + x ≠ 0  ⇔ x(x+1)≠ 0  ⇔ x ≠ 0 và x ≠ −1  b) =  \*Với x = 1000000 thỏa mãn ĐKXĐ khi đó giá trị của phân thức bằng  \* Với x = - 1 không thỏa mãn ĐKXĐ của phân thức nên giá trị phân thức tại x = -1 không xác định. |
| **ÔN TẬP CHƯƠNG II**  **Bài 58/SGK/Trang 62**  Thực hiện các phép tính sau:    **Bài 60/SGK/Trang 62**:  Cho biểu thức  Giải bài 60 trang 62 Toán 8 Tập 1 | Giải bài tập Toán 8  a) Hãy tìm điều kiện của x để giá trị của biểu thức được xác định.  b) Chứng minh rằng khi giá trị của biểu thức được xác định thi nó không phụ thuộc vào giá trị của biến x. | **Bài 58/SGK/Trang 62**          **Bài 60/SGK/Trang 62**:   1. Biểu thức xác định khi: x-10 và x+10   Hay x1 và x-1 |
| **II./ PHẦN HÌNH HỌC** |  |
| **DIỆN TÍCH HÌNH THOI – LUYỆN TẬP**   1. **Diện tích hình thoi**    * + 1. **Cách tính diện tích của một tứ giác có hai đường chéo vuông góc**  |  |  | | --- | --- | | Diện tích của tứ giác có 2 đường chéo vuông góc với nhau bằng nửa tích của 2 đường chéo đó. |  |  * + - 1. **Công thức tính diện tích hình thoi**  |  |  | | --- | --- | | Diện tích hình thoi bằng nửa tích hai đường chéo. |  |  1. **Luyện tập**   **Bài 32/ SGK**/**Trang 128**  a) Hãy vẽ một tứ giác có độ dài hai đường chéo là: 3,6 cm, 6cm và hai đường chéo đó vuông góc với nhau. Có thể vẽ được bao nhiêu tứ giác như vậy? Hãy tính diện tích mỗi tứ giác vừa vẽ.  b) Hãy tính diện tích hình vuông có độ dài đường chéo là d.  **Bài 35/SGK/ Trang 129**  Tính diện tích hình thoi có cạnh dài 6cm và một trong các góc của nó có số đo là . | **Bài 32/ SGK**/**Trang 128**  a) Vẽ được vô số tứ giác như vậy chỉ cần thay đổi vị  trí của điểm I ta có một hình.  Ta có AC =3,6cm, BD = 6 cm, ACBD tại I  S = AC.BD = 3, 6.6 = 10,8 (cm2)  b) Hình vuông có 2 đường chéo vuông góc và bằng nhau nên diện tích của hình vuông là d2  **Bài 35/SGK/ Trang 129**    Cho hình thoi ABCD có ,  tại H  Xét ABC cân (BA = BC) có  ⇒ ABC đều ⇒ AB = AC = 6cm  ⇒ AH =  SABCD = BC.AH = 6.3 = 18(cm2) |
| **DIỆN TÍCH ĐA GIÁC – LUYỆN TẬP**  Việc tính diện tích một đa giác bất kì thường được quy về về tính diện tích các tam giác.  Trong một số trường hợp, để việc tính toán thuận lợi, ta có thể chia đa giác thành nhiều tam giác vuông và hình thang vuông  **Bài 38/ SGK/ Trang 130:**  Một con đường cắt một đám đất hình chữ nhật với các dữ liệu được cho trên hình 153. Hãy tính diện tích phần con đường EBGF(EF//BG) và diện tích phần còn lại của đám đất.    **Bài 40/SGK/Trang 131:**  Tính diện tích thực của hồ nước có sơ đồ là phần gạch sọc trên hình 155 (cạnh của mỗi hình vuông là 1cm, tỉ lệ 1/10000 ). | **Bài 38/ SGK/ Trang 130:**  Diện tích con đường hình bình hành là:  SEBGF = FG.BC = 50.120  = 6000(m2)  Diện tích đám đất hình chữ nhật ABCD là:  SABCD = AB.BC = 150.120  = 18000 (m2 )  Diện tích phần còn lại của đám đất là:  18000 - 6000 = 12000(m2 )  **Bài 40/SGK/Trang 131:**  Cách 1:  S1=  S2= 3.5 = 15 (cm2)    ⇒ Sgạch sọc = S1+S2+S3+S4 + S5  = 33.5(cm2)  Cách 2:    SABCD = 8.6 = 48 (cm2)  ⇒ Sgạch sọc = SABCD – (S6+S7+S8+S9+S10)  = 48 – (2+ 6+3+1,5+2) = 33,5 (cm2)  Diện tích thực tế là:  33,5.10 0002 = 3 350 000 000 (cm2) = 335 000 (m2) |

**SÁCH GIÁO KHOA**



****

